

Tìm hiểu về tỷ lệ LCR và tỷ lệ NSFR trong Basel III

ThS. PHAN THỊ HOÀNG YẾN

Học viện Ngân hàng

Chuẩn mực vốn Basel III được ban hành trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra (giai đoạn 2007- 2010) để bổ sung, khắc phục các hạn chế của Basel II. Trong đó, tập trung vào việc quản lý thanh khoản, yêu cầu vốn chủ sở hữu (vốn cấp 1) của các ngân hàng, giới hạn tỷ lệ đòn bẩy vốn... Trong quản lý thanh khoản, hiệp ước Basel III bổ sung thêm hai tỷ lệ, đó là tỷ lệ LCR và tỷ lệ NSFR và quy định lộ trình thực hiện hai tỷ lệ này tại các ngân hàng thương mại (NHTM), tùy thuộc điều kiện của mỗi quốc gia. Bài viết nhằm tìm hiểu về tỷ lệ LCR và tỷ lệ NSFR trong Basel III.

1. Tỷ lệ bù đắp thanh khoản (LCR- Liquidity Coverage Ratio)

Basel III yêu cầu các ngân hàng xây dựng một kịch bản về dòng tiền trong 30 ngày, phản ánh đặc tính của một sự kiện riêng biệt cũng như một sự kiện căng thẳng trong thanh khoản của thị trường, (ví dụ: cú sốc thanh khoản khi khách hàng đột ngột rút tiền ở ạt như sự kiện của ngân hàng ACB năm 2003...). Tỷ lệ này đảm bảo khả năng chống chịu trong ngắn hạn trước sự đổ vỡ thanh khoản.

Công thức tính:

LCR = Tài sản có tính thanh khoản cao / Tổng dòng tiền ra ròng trong vòng 30 ngày tiếp theo = (∑ Giá trị thị trường của TSC × Hệ số tài sản) / (∑ Dòng tiền ra × hệ số rút vốn – Dòng tiền vào × hệ số rút vốn)

Theo quy định của Basel III thì tỷ lệ này phải $\geq 100\%$.

Trong đó:

Tài sản có tính thanh khoản cao bao gồm:

Tài sản cấp 1 gồm:

- ▶ Dự trữ tại NHTW;
- ▶ Tiền mặt;
- ▶ Trái phiếu chính phủ và trái phiếu siêu quốc gia có tỷ trọng rủi ro 0% theo phương pháp chuẩn hóa trong Basel II;
- ▶ Trái phiếu chính phủ, trái phiếu NHTW có rủi ro 0%.

Đối với các tài sản cấp 1, hệ số tài sản (trọng số) khi tính LCR là 100%.

Tài sản cấp 2:

▶ Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu siêu quốc gia có rủi ro 20% theo phương pháp chuẩn hóa trong Basel II.

▶ Trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu bảo đảm được tổ chức có uy tín xếp hạng AA hoặc được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng xếp hạng AA. Đối với các trái phiếu này ngưỡng khấu



Bảng 1. Trọng số (tỷ lệ rút tiền hoặc giải ngân dự kiến) đối với luồng tiền ra

Dòng tiền ra	Trọng số
- Tiền gửi có kỳ hạn >30 ngày với lãi phạt - Một phần tiền gửi doanh nghiệp có quan hệ kinh doanh được đảm bảo bởi Bảo hiểm tiền gửi - Các giao dịch được đảm bảo bằng tài sản có cấp 1 với bất kỳ đối tác nào	0%
- Khách hàng kinh doanh nhỏ ổn định - Tiền gửi ổn định (không kỳ hạn và có kỳ hạn) <30 ngày	5%
- Khách hàng kinh doanh nhỏ kém ổn định hơn - Kém ổn định (không kỳ hạn và có kỳ hạn) <30 ngày	10%
- Các giao dịch được đảm bảo bằng tài sản có cấp 2 với một đối tác	15%
- Tiền gửi vì mục đích tác nghiệp của các thực thể pháp lý - Các giao dịch được đảm bảo bằng tài sản có không đủ tiêu chuẩn là tài sản có thanh khoản cao của các chính phủ sở tại, NHTW sở tại hoặc các pháp nhân thuộc khu vực công tại nước sở tại.	25%
- Các doanh nghiệp phi tài chính, chính phủ, NHTW và PSEs (khu vực doanh nghiệp)	75%
- Tất cả các giao dịch được đảm bảo khác - Các khách hàng là các thực thể pháp lý khác	100%

Nguồn: Basel III

Bảng 2. Trọng số (tỷ lệ rút tiền hoặc giải ngân dự kiến) dòng tiền vào

Dòng tiền vào	Trọng số
- Tiền gửi tại các định chế đầu mối của mạng lưới các ngân hàng hợp tác. - Tiền gửi hoạt động tại các định chế tài chính khác. - Tín dụng hoặc khoản vay thanh khoản. - Hợp đồng repo ngược và cho vay chứng khoán có thể chấp bằng tài sản có cấp 1. Hợp đồng repo đảo ngược và cho vay chứng khoán có thể chấp bằng tài sản có cấp 2.	0%
- Các khoản phải thu từ các đối tác bán lẻ. - Các khoản phải thu từ các đối tác bán buôn phi tài chính (các giao dịch không được thống kê riêng).	50%
- Hợp đồng repo đảo ngược và cho vay chứng khoán vay có thể chấp bằng các tài sản có khác. - Các khoản phải thu từ các định chế tài chính có các giao dịch không được thống kê riêng. - Các khoản phải thu phái sinh ròng.	100%

Nguồn: Basel III

Ghi chú: Khi tính LCR, khoản mục nào đã tính vào tài sản có tính thanh khoản cao thì không tính vào dòng tiền ra ròng nữa.

trừ tối thiểu là 15%, nghĩa là trọng số của loại tài sản có tính thanh khoản cao cấp 2 này tối đa là 85%. Đối với tất cả các tài sản, mức giảm giá tối đa (tăng mức khấu trừ) trong kỳ 30 ngày trong giai đoạn căng thẳng tương ứng không vượt quá 10%.

Với tài sản có thanh khoản cao cấp 2, có thể chia các tài sản này theo mức xếp hạng AA hoặc BB của các tổ chức có uy tín hoặc hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của ngân hàng. Với tài sản cấp 2 ở mức xếp hạng AA thì trọng số tối đa là 85%. Còn đối với tài sản xếp hạng BB thì trọng số từ 50%- 75% khi tính Tài sản có tính thanh khoản cao.

Giới hạn đối với tài sản cấp 1 và tài sản cấp 2: Tài sản cấp 1 có thể đưa vào tính toán tỷ lệ một cách không hạn chế, còn tài sản cấp 2 tối đa không quá 40% tổng tài sản có tính thanh khoản cao.

Tổng dòng tiền ra ròng trong vòng 30 ngày được tính như sau:

► Tổng dòng tiền ra ròng được xác định bằng *tổng dòng tiền ra* dự kiến trừ đi *tổng dòng tiền vào* dự kiến trong kịch bản kiểm tra sức chịu đựng cụ thể trong chu kỳ 30 ngày.

► Tổng dòng tiền ra dự kiến được tính bằng cách nhân số dư các hạng mục hoặc loại tài sản nợ và cam kết ngoại bảng với tỉ lệ rút tiền hoặc



Bảng 3. Hệ số ASF tương ứng (Hệ số nguồn vốn ổn định)

Cấu phần của nguồn vốn ổn định sẵn có	Hệ số ASF
- Tổng vốn, gồm cả vốn cấp 1 và vốn cấp 2 xác định theo chuẩn mực vốn do Ủy ban Basel ban hành phổ biến trên toàn cầu. - Tổng giá trị giấy tờ có giá ưu đãi không được tính trong vốn cấp 2 còn kỳ hạn từ 1 năm trở lên và có thể giảm kỳ hạn xuống dưới 1 năm khi xem xét các giá trị đảm bảo cho các giấy tờ nêu trên. - Tổng giá trị khoản vay và tài sản nợ có và không có tài sản đảm bảo còn kỳ hạn hiệu lực từ 1 năm trở lên.	100%
Tiền gửi không kỳ hạn ổn định và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn còn hiệu lực từ 1 năm trở lên (khách hàng bán lẻ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ).	90%
Tiền gửi không kỳ hạn "kém ổn định hơn" và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn còn hiệu lực dưới 1 năm (khách hàng bán lẻ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ).	80%
Quĩ tài trợ bán buôn không đảm bảo, tiền gửi không kỳ hạn và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn còn hiệu lực dưới 1 năm không được đảm bảo.	50%
Các tài sản Nợ khác	0%

Nguồn: Basel III

Bảng 4. Nguồn vốn ổn định cần có theo yêu cầu và hệ số RSF tương ứng

Cấu phần của nguồn vốn ổn định cần có*	Hệ số RSF tương ứng
- Tiền mặt và các tài sản có không bị cản trở có kỳ hạn dưới 1 năm	0%
- Các khoản đến hạn đối với Chính phủ, NHTW, MDBs có rủi ro theo Basel II	5%
Tín dụng hủy ngang có điều kiện và không được hủy ngang, các công cụ thanh khoản đối với bất kỳ khách hàng nào.	5% của phần hiện chưa giải ngân
Trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu có bảo đảm có xếp hạng AA- hoặc cao hơn; các khoản đến hạn đối với Chính phủ, NHTW, MDBs có 20% rủi ro theo chuẩn mực của Basel II	20%
Vàng, cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu có bảo đảm (A+ to A-) có kỳ hạn trên 1 năm; các khoản cho vay đối với doanh nghiệp phi tài chính, Chính phủ, NHTW, PSEs với kỳ hạn dưới 1 năm	50%
Các khoản cho vay thế chấp bằng nhà ở	65%
Các khoản cho vay bán lẻ và doanh nghiệp nhỏ và vừa có kỳ hạn dưới 1 năm	85%
Tất cả các tài sản có khác	100%

Nguồn: Basel III

Ghi chú: * Giá trị theo quy định của nguồn vốn ổn định cần có theo yêu cầu được tính là tổng của giá trị TSC mà tổ chức tín dụng nắm giữ và tài trợ nhân với hệ số tài trợ ổn định yêu cầu (RSF) cụ thể được quy định đối với từng loại tài sản có, cộng với giá trị các giao dịch ngoại bảng (hoặc rủi ro thanh khoản tiềm ẩn) nhân với hệ số RSF tương ứng.

giải ngân dự kiến.

► Tổng dòng tiền vào dự kiến được tính bằng cách nhân số dư của các hạng mục hoặc các loại tiền phải thu theo hợp đồng với tỉ lệ dự kiến theo kịch bản trong đó tổng dòng tiền ra dự kiến đạt tối đa 75%.

Tổng dòng tiền ra ròng = tổng dòng tiền ra dự kiến – tổng dòng tiền vào dự kiến (dưới 75% tổng dòng tiền ra dự kiến)

Basel III chỉ là phần bổ sung cho Basel II, nên Ngân hàng Nhà nước đã nghiên cứu áp dụng có

chọn lọc một số nội dung của Basel III, trong đó có tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày, được quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, tỷ lệ này không tính đến các hệ số rút vốn của dòng tiền vào và dòng tiền ra khi tính dòng tiền ra ròng trong vòng 30 ngày. Đồng thời đối với tài sản có tính thanh khoản cao thì chưa nhân với hệ số của tài sản. Theo Basel III quy định theo lộ trình, tỷ lệ LCR tối thiểu là



60% vào tháng 1 năm 2015 và đạt 100% vào tháng 1 năm 2019. Tại Việt Nam hiện nay, theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN thì tỷ lệ này quy định tối thiểu 50%.

2. Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR- net stable funding ratio)

Theo Basel III, tỷ lệ này được thiết lập để tập trung sự chú ý vào cấu trúc nguồn vốn của bảng cân đối kế toán, nhằm mục đích thưởng những khoản phải trả có bản chất dài hạn (ổn định) và phạt những khoản ngắn hạn. Tỷ lệ này phản ánh khối lượng tài trợ ổn định tối thiểu của ngân hàng dựa trên tính thanh khoản của tài sản và hoạt động của ngân hàng trong vòng một năm.

Công thức tính:

$NSFR = \text{Nguồn vốn ổn định sẵn có} / \text{Nguồn vốn ổn định cần có}$

Theo quy định của Basel III thì tỷ lệ này phải lớn hơn 100%.

Hệ số này đảm bảo rằng tài sản dài hạn được tài trợ bởi ít nhất một phần tối thiểu các tài sản Nợ ổn định, nhằm thúc đẩy các nguồn vốn trung và dài hạn hơn để tài trợ tài sản Có và các hoạt động khác của ngân hàng.

Nguồn vốn ổn định sẵn có:

- Nguồn vốn ổn định sẵn có - được xác định là tổng giá trị các tài sản của một ngân hàng sau khi điều chỉnh với hệ số ASF (hệ số nguồn vốn ổn định sẵn có), gồm:

- ▶ Vốn;
- ▶ Cổ phiếu ưu đãi với thời hạn bằng hoặc lớn

hơn một năm;

▶ Tài sản nợ có thời hạn ngắn hạn một năm hoặc lâu hơn;

▶ Một phần tiền gửi không kỳ hạn và/hoặc tiền gửi có kỳ hạn ít hơn một năm được dự kiến sẽ giữ lại tại tổ chức tín dụng trong một thời gian dài hơn khi có các sự kiện không thuận lợi xảy ra bất ngờ, và

▶ Một phần tài trợ cho bán buôn có kỳ hạn ít hơn một năm dự kiến sẽ giữ lại tại tổ chức tín dụng trong thời gian các sự kiện không thuận lợi xảy ra bất ngờ.

▶ Bao gồm tiền gửi ổn định và kém ổn định hơn của khách hàng bán lẻ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tỷ lệ này dự kiến áp dụng từ ngày 01/01/2018, đòi hỏi các NHTM phải có sẵn nguồn tài chính dưới dạng quỹ bình ổn để có thể đối phó với thời kỳ khó khăn của ngân hàng tối thiểu là một năm.

3. Kết luận

Hiện nay ở Việt Nam, tỷ lệ RSF chưa được áp dụng. Các NHTM Việt Nam mới chỉ áp dụng tỷ lệ LCR- tỷ lệ bù đắp thanh khoản theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN với tên gọi “tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày”.

Trong quản lý rủi ro thanh khoản, Basel III đã đưa ra những yêu cầu rất chặt chẽ nhằm khắc phục những điểm yếu, hạn chế của Basel II. Việc thực hiện các chuẩn mực của Basel phù hợp với điều kiện, trình độ của các NHTM Việt Nam là

xem tiếp trang 39

SUMMARY

LCR ratio and NSFR ratio in Basel III

Basel III was introduced in the case of global financial crisis (2007-2010) in order to overcome the drawback of Basel II. Particularly, it focuses on liquidity management, capital requirements (core1) and leverage ratio in banking system. In liquidity management, compared to Basel II, Basel III added LCR ratio, NSFR ratio and the implementation of these ratios in commercial banks. This paper is going to analysis LCR and NSFR in Basel III.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Phan Thị Hoàng Yến, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính- ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng

Email: hoangyen.hvnh@gmail.com



ngành nghiệp kế toán Việt Nam phù hợp với thông lệ chung được thừa nhận nhằm tạo nền tảng cho một nền kinh tế và hệ thống tài chính vận hành minh bạch, hiệu quả, đạt được sự công nhận của khu vực và quốc tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CMKT quốc tế liên quan đến giá trị hợp lý và công cụ tài chính, gồm:

1. IAS số 39- Công cụ tài chính: Ghi nhận và xác định giá trị;
2. IAS số 32- Công cụ tài chính: Trình bày;
3. IFRS số 7- Công cụ tài chính: Thuyết minh thông tin;
4. IFRS số 9- Công cụ tài chính; IFRS số 13- Xác định giá trị hợp lý.

tiếp theo trang 34

một thách thức không nhỏ, vì đòi hỏi về điều kiện kỹ thuật và chi phí khá cao. Do đó, để thực hiện được điều này, Ngân hàng Nhà nước cần phải có những lộ trình nhất định, theo từng giai đoạn cụ thể, để các NHTM có thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết, có thể xem xét việc thực hiện dần các yêu cầu về thanh khoản theo tiêu

SUMMARY

Updating Vietnamese Accounting Standards on fair value and financial instruments to align with international practice

Recent years have witnessed many important changes in the accounting and financial reporting practice. On the international level, the International Accounting Standards Board which issued International Financial Reporting Standards (IFRS) and International Accounting Standards (IAS) is in the process to supplement, amend and develop standards to suit with developed economy, in the direction of harmonizing generally accepted accounting principles in the United States (US GAAP) and International Financial Reporting Standards (IFRS). International Standards include 2 categories: International Accounting Standards (IAS) and International Financial Reporting Standards (IFRS).

Up to now, Vietnam has issued 26 Vietnam Accounting Standards (VAS) under 5 waves from 1999 to 2001 and has been supplemented and amended. However, the VAS recently has been assessed to be inappropriate or incomplete, not suitable with current requirements of Vietnam, as well as inconsistent with International Standards and the important reason of which is no current regulations on fair value. This article is proposing regulations over fair value and financial instruments need to be updated in Vietnamese Accounting Standards.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Nguyễn Đại Hùng

Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Lập pháp- Văn phòng Quốc hội

Lĩnh vực nghiên cứu chính:

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:

Email:

chuẩn của Basel III. Với tỷ lệ LCR đã áp dụng thì cần phải có những đánh giá xem quy định về cách tính toán như vậy có phù hợp với thực tế hoạt động của NHTM Việt Nam không? Nếu chưa phù hợp thì có những điều chỉnh cho hợp lý để đánh giá chính xác mức độ đảm bảo an toàn thanh khoản của ngân hàng thương mại. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn bản Basel III của Ngân hàng thanh toán quốc tế BIS.

tiếp theo trang 30

6. Nazery Khalid, Armi Suzana Zamil, Farida Farid (2008), *The Asian experience in developing the maritime sector: Some case studies and lessons for Malaysia*, Center for Economic Studies and Ocean Industries.

7. Ramli H. Nik (2007), *The South China Sea: From Hostility to Stability*, Maritime Institute of Malaysia.

8. Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên (2011), *Báo cáo thẩm định dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển Phú Yên đến năm 2020*.

9. UBND Tỉnh Phú Yên (2013), *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020*.